Phụ lục I: Tổng hợp diện tích Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác dự án Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1

(Kèm theo Quyết định số: 1775/QĐ-UBND ngày 05 /8 /2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên Dự án	Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Nguồn gốc diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác				Tổng diện tích rừng quyết định CMĐSDR	Hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ
					Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất			
					Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)	Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)		
1	Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1	Liên danh Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Tân Đại Nam và Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp và Phát triển hạ tầng (Công ty TNHH Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1, Doanh nghiệp được ủy quyền thực hiện đầu tư dự án Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1)	Xã Tân Thành, tỉnh Lạng Sơn	74,90	0	0	0	44,72	44,72	- Đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng ngày 22/7/2025 của Công ty TNHH Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1. - Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh Lạng Sơn về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. - Công văn số 63/CV-BĐH ngày 17/7/2025 của Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế dự án Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1. - Báo cáo thuyết minh kết quả điều tra hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng rừng dự án Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1; Bản đồ phạm vi ranh giới diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng dự án Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1, gồm 01 tờ bản đồ.
Tổng cộng				**74,90**	**0**	**0**	**0**	**44,72**	**44,72**	

Phụ lục II: Danh sách các lô rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác dự án Cụm Công nghiệp Hòa Sơn 1

(Kèm theo Quyết định số: 1775/QĐ-UBND ngày 05 /8 /2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Xã	Vị trí			Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
1	Tân Thành	1M	2	3	0,57
2	Tân Thành	1M	2	5	4,79
3	Tân Thành	1M	2	6	0,19
4	Tân Thành	1M	2	7	0,85
5	Tân Thành	1M	2	8	0,31
6	Tân Thành	1M	2	9	0,41
7	Tân Thành	1M	2	11	4,31
8	Tân Thành	1M	2	18	1,13
9	Tân Thành	1M	2	21	4,02
10	Tân Thành	1M	2	23	0,65
11	Tân Thành	1M	2	24	0,15
12	Tân Thành	1M	2	26	0,52
13	Tân Thành	1M	2	29	0,1
14	Tân Thành	1M	2	32	0,12
15	Tân Thành	1M	2	35	0,8
16	Tân Thành	1M	2	37	0,21
17	Tân Thành	1M	2	38	0,95
18	Tân Thành	1M	2	39	1,07
19	Tân Thành	1M	2	41	0,19
20	Tân Thành	1M	2	45	0,36
21	Tân Thành	1M	2	46	0,7
22	Tân Thành	1M	2	47	0,46
23	Tân Thành	1M	2	48	0,04
24	Tân Thành	1M	2	50	0,26
25	Tân Thành	1M	2	51	0,31
26	Tân Thành	1M	2	54	0,68

STT	Xã	Vị trí			Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
27	Tân Thành	1M	2	55	0,04
28	Tân Thành	1M	2	56	0,15
29	Tân Thành	1M	2	61	0,13
30	Tân Thành	1M	3	4	0,12
31	Tân Thành	1M	3	6	7,34
32	Tân Thành	1M	3	7	0,77
33	Tân Thành	1M	3	15	4,67
34	Tân Thành	1M	3	16	0,46
35	Tân Thành	1M	5	3	2,66
36	Tân Thành	1M	5	5	2,27
37	Tân Thành	1M	5	6	0,35
38	Tân Thành	1M	5	7	0,8
39	Tân Thành	1M	5	8	0,01
40	Tân Thành	1M	5	9	0,8
Tổng diện tích rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác					**44,72**

Ghi chú: Địa danh, vị trí (Lô, khoảnh, tiểu khu), diện tích theo hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng và hồ sơ Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.